

Bản án số: **31/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 06/11/2019

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Kim Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 188/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; ĐKKHKT và trú tại: xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1979, ĐKKHKT và trú tại: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Anh và chị Đỗ Thị D kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã T, huyện K, là quê của anh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh ở xóm 8, xã T. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 12, xã K từ năm 2003, không quay lại chung sống với anh nữa. Mặc dù anh và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải, hòa giải nhưng không có kết quả. Bản thân anh cũng luôn cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh và chị D vẫn không thể hòa hợp được. Vì vậy, từ năm 2003 đến nay,

anh sống ly thân với chị D, không ai quan tâm đến ai, không có liên lạc trao đổi gì. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho anh được ly hôn với chị D để ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Đỗ Thị D trong bản tự khai có trình bày: chị xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như anh T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị D cũng xác định do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên chị bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ cuối năm 2002, ly thân với anh T từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị nhất trí do chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa.

Về con chung và tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do chị bận công việc, không thể tham gia phiên xét xử, vì vậy chị đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K:

- Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14; Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị D; anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Đỗ Thị D, hiện cư trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn chị Đỗ Thị D đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng do bận công việc chị D đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Cả anh T và chị D đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp nhau, bất đồng về lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù hai bên cùng gia đình đã tìm mọi cách khắc phục nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2003 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh T và chị D tại UBND xã T là nơi anh chị cư trú thì chính quyền địa phương cung cấp vợ chồng anh T và chị D có xảy ra mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm 12, xã K từ cuối năm 2002, hiện nay anh T, chị D không còn chung sống với nhau nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh T, chị D hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh T giải quyết ly hôn chị D là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Anh T, chị D đều xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh Trường phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị D.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3142 ngày 23/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THSDS huyện K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh